

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/2026/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chế độ, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 18/2023/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 3423/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chế độ, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ diện Trung ương quản lý, cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý hiện đang công tác hoặc đã nghỉ hưu:

a) Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư Tỉnh ủy;

b) Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;

c) Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;

d) Tỉnh ủy viên;

đ) Cấp trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân

tỉnh; Chủ tịch Hội đồng quản trị, tổng giám đốc, giám đốc các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cấp trưởng các cơ quan ngành dọc Trung ương thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý;

e) Cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cấp phó các cơ quan ngành dọc Trung ương thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Phó Bí thư chuyên trách Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh; Bí thư Đảng ủy các xã, phường, đặc khu; cấp trưởng các hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh (Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh);

g) Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;

h) Cấp phó các hội Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ (Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội văn học nghệ thuật tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh);

i) Các đồng chí nguyên là Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện đã nghỉ hưu.

2. Một số đối tượng khác:

a) Cán bộ hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (cán bộ lão thành cách mạng); cán bộ hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 (cán bộ tiền khởi nghĩa); cán bộ hoạt động ở miền Nam suốt thời kỳ chống Mỹ (1954 - 1975) được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất trở lên; đảng viên được tặng Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng trở lên;

b) Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang; Anh hùng Lao động; Nhà giáo Nhân dân; Nghệ sĩ Nhân dân; Thầy thuốc Nhân dân; các nhà hoạt động xã hội, văn hóa, khoa học tiêu biểu được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước;

c) Giáo sư, Phó Giáo sư; cán bộ, công chức, viên chức có mức lương chuyên môn nghiệp vụ nhóm ngạch công chức loại A3 hoặc tương đương;

d) Cán bộ nhân viên y tế trực tiếp làm công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh tại Trung tâm Khám bệnh, chữa bệnh và Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh; các thành viên Hội đồng chuyên môn bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh; người làm công tác quản lý, tham mưu về công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh tại Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Y tế.

anh anh

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ

1. Chi phí khám sức khỏe định kỳ:

a) Đối với các đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này:

Chi phí khám sức khỏe thực hiện theo Quy định số 200-QĐ/TW ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Ban Bí thư về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

Hỗ trợ các chi phí phục vụ khám sức khỏe định kỳ ngoại tỉnh tại bệnh viện công lập cấp chuyên sâu, gồm: tiền ăn, tiền lưu trú và chi phí đi lại; mức hỗ trợ theo chi phí thực tế trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp nhưng tối đa: 8.000.000 đồng/người/lần khám.

Trường hợp cán bộ già yếu, không bảo đảm sức khỏe hoặc vì lý do bất khả kháng không thể thực hiện khám sức khỏe định kỳ tại cơ sở khám sức khỏe theo quy định thì được tổ chức khám sức khỏe tại tỉnh. Trường hợp cần thiết phải mời chuyên gia, bác sĩ, nhân viên y tế của bệnh viện công lập cấp chuyên sâu về tỉnh thực hiện khám sức khỏe thì được hỗ trợ: 100% chi phí khám sức khỏe theo mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đang áp dụng tại bệnh viện công lập cấp chuyên sâu được mời thực hiện khám sức khỏe (mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu); Tiền ăn, tiền lưu trú và chi phí đi lại của chuyên gia, bác sĩ, nhân viên y tế theo chi phí thực tế trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp nhưng tối đa: 5.000.000 đồng/người/lần khám.

b) Đối tượng quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i khoản 1 và các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này:

Chi phí khám sức khỏe: hỗ trợ 100% theo mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đang áp dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu).

Chi phí phục vụ chuyên môn trong quá trình khám sức khỏe, gồm: Nước uống, suất ăn nhẹ trong thời gian chờ khám, lấy mẫu xét nghiệm hoặc thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo chi phí thực tế nhưng tối đa: 50.000 đồng/người/lần khám; chi phí lập hồ sơ khám sức khỏe theo chi phí thực tế nhưng tối đa: 25.000 đồng/người/bộ hồ sơ/lần khám.

2. Hỗ trợ thuốc điều trị và thực phẩm bảo vệ sức khỏe sau khám sức khỏe định kỳ:

a) Hỗ trợ thuốc điều trị và thực phẩm bảo vệ sức khỏe để phục vụ chăm sóc, điều trị sau khám sức khỏe định kỳ, trên cơ sở kết quả khám sức khỏe và chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền, cụ thể:

Đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: tối đa 3.000.000 đồng/người/lần khám, không quá 02 lần/năm.

Đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: tối đa 2.500.000 đồng/người/lần khám, không quá 01 lần/năm.

Đối tượng quy định tại điểm d và đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: tối đa 2.000.000 đồng/người/lần khám, không quá 01 lần/năm.

Đối tượng quy định tại các điểm e, g, h và i khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: tối đa 1.500.000 đồng/người/lần khám, không quá 01 lần/năm.

Đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này: tối đa 1.000.000 đồng/người/lần khám, không quá 01 lần/năm.

b) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ bằng hiện vật.

Trung tâm Khám bệnh, chữa bệnh và Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh tổ chức mua sắm, cấp phát thuốc điều trị và thực phẩm bảo vệ sức khỏe đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

Đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này, việc mua sắm, cấp phát thuốc điều trị và thực phẩm bảo vệ sức khỏe do cơ quan, đơn vị được giao thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ ở cấp xã theo quy định của cấp có thẩm quyền tổ chức thực hiện.

Điều 4. Hỗ trợ khám sức khỏe phục vụ công tác cán bộ

Hỗ trợ 100% chi phí khám sức khỏe cho cán bộ trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu ứng cử, tái cử các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Chi phí khám sức khỏe và chi phí phục vụ chuyên môn thực hiện theo điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

Điều 5. Hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh

1. Đối với đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: thực hiện theo Quy định số 200-QĐ/TW của Ban Bí thư.

2. Đối với các đối tượng quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này: Hỗ trợ 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh mà người bệnh phải đồng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm Y tế khi khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Khám bệnh, chữa bệnh và Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh hoặc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được giao nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cán bộ đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của cấp xã, cụ thể:

a) Tối đa 1.500.000 đồng/người/năm đối với các đối tượng quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này;

b) Tối đa 1.000.000 đồng/người/năm đối với các đối tượng quy định tại các điểm e, g, h và i khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 6. Chế độ hỗ trợ khác

1. Chế độ phòng bệnh:

a) Đối với đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: thực hiện theo Quy định số 200-QĐ/TW của Ban Bí thư;

b) Hỗ trợ tiêm vắc xin phòng cúm mùa hằng năm đối với các đối tượng quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này trên cơ sở đánh giá tình trạng sức khỏe và chỉ định của Hội đồng chuyên môn bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.

Trung tâm Khám bệnh, chữa bệnh và Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh tổ chức tiêm chủng hoặc ký hợp đồng với cơ sở y tế đủ điều kiện theo quy định để thực hiện tiêm chủng. Kinh phí thanh toán theo chi phí thực tế trên cơ sở hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

2. Đối tượng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ 250.000 đồng/người/tháng trong thời gian thực hiện nhiệm vụ theo quyết định hoặc phân công của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 7. Nguyên tắc thực hiện

1. Trường hợp cán bộ đồng thời giữ nhiều chức danh, chức vụ thì thực hiện chế độ, chính sách theo chức danh, chức vụ cao nhất.

2. Trường hợp đang hưởng chế độ mà bị khai trừ khỏi Đảng, bị buộc thôi việc hoặc bị Tòa án kết án phạt tù thì chấm dứt hưởng chế độ kể từ ngày quyết định kỷ luật hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Trường hợp quy định về chức danh, chức vụ cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành; trường hợp văn bản dẫn chiếu được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản mới.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Nghị quyết này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

2. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật. Các khoản chi thanh toán theo chi phí thực tế phải có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật; các khoản hỗ trợ theo mức quy định tại Nghị quyết này được thực hiện trên cơ sở danh sách và chứng từ chi trả theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa IX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026./.

Duy

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Bộ Y tế, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL - Bộ TP;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PT-TH Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

quyết



Nguyễn Đăng Quang